

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2018/DS-PT

Ngày: 17/9/2018.

"Tranh chấp phường ,hụi"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hà

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đăng Phồn và ông Lê Hồng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Phú - Thẩm tra viên TAND tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Phương Nam. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2018/TLPT-DS ngày 25 tháng 7 năm 2018, về việc "Tranh chấp phường, hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 53/2018/QĐ-PT ngày 13 tháng 8 năm 2018. Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đàm Huy N sinh năm 1936. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 6, xã K, huyện A, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị S sinh năm 1984. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 6, xã K, huyện A, tỉnh Nghệ An.

Người kháng cáo: Ông Đàm Huy N là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn là ông Đàm Huy N trình bày: Ngày 22/4/2015(Al) chị Nguyễn Thị S (*chủ phường là bị đơn*) thành lập 2 dây phường với mỗi suất 2.000.000đ/ tháng, phường có 27 suất, ông đã tham gia 1 suất cả ở 2 dây. Ngày 22/2/2017 (Al) ông được bốc 1 dây với số

tiền 49.000.000đ nhưng chị S chủ phường chỉ giao cho ông N 40.000.000đ (nợ 9.000.000đ). Dây phường này ông N còn phải theo 5 suất là 10.000.000đ. Do chị S không trả nợ nên ông N không theo 5 suất còn thiếu. Tháng 5/2017 ông bốc tiếp dây phường thứ hai số tiền là 50.000.000đ nhưng chị S chỉ trả 10.000.000đ còn nợ 40.000.000đ. Ông N còn phải theo 2 suất là 4.000.000đ. Ông N đòi nhiều lần nhưng chị S không trả nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị S phải trả 40.000.000đ còn thiếu và lãi suất chậm trả là 12 tháng, mức lãi 1%/tháng.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị S trình bày : Chị thống nhất thời gian lập phường, số tiền mỗi suất, số thành viên, số tiền đã trả, số tiền còn thiếu như ông N khởi kiện là đúng. Chị đề nghị phản tố: Đòi trừ nghĩa vụ, suất thứ nhất ông N còn nợ chị 1.000.000đ, suất thứ hai nợ 4.000.000đ, suất thứ hai ông N có đóng thừa 600.000đ. Vì vậy chị còn nợ ông N là 35.600.000đ. Chị chấp nhận trả nợ gốc còn lãi thì chồng chị (anh Lô Búa T) đã mang tiền đến trả nợ nhưng ông N không nhận nên không phải chịu lãi suất.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 274, 280, khoản 2 điều 357, khoản 2 điều 468, điều 471 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 2 điều 200, điều 202 BLTTDS; Điều 29, 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ, Điều 26 NQ 326/2016 của UBND tỉnh 14.

Xử: - Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đàm Huy N.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị S.

Xác định chị Nguyễn Thị S nợ ông Đàm Huy N số tiền phường gốc là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Xác định ông Đàm Huy N nợ chị Nguyễn Thị S số tiền phường gốc là 4.400.000đ (Bốn triệu bốn trăm ngàn đồng).

Đổi trừ nghĩa vụ buộc chị Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả cho ông Đàm Huy N số tiền phường gốc là 35.600.000đ và tiền lãi suất là: 3.545.760đ. Tổng gốc và lãi chị Sang có nghĩa vụ trả cho ông Đàm Huy N là 39.145.760đ) Ba mươi chín triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn bảy trăm sáu mươi đồng).

Ngoài ra Bản án còn tuyên án phí, về quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018 ông Đàm Huy N có Đơn kháng cáo, với nội dung: Tòa án tuyên buộc ông trả cho chị Sang 4.000.000đ là không đúng đề nghị buộc chị Sang trả 40.000.000đ và lãi suất mức 1%/tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: ông N bổ sung thêm yêu cầu kháng cáo, xuất trình thêm tài liệu là sổ liệu chị S phải trả theo cách tính của ông và đề nghị chị S phải trả

tiền gốc là 40.000.000đ còn nợ, và 3.000.000đ là lãi (mua phường) của người chưa đi phường thứ nhất trả, 2.000.000đ là số tiền lãi (mua) của bà Đ và bà B ở phường thứ hai. Tổng cộng: 45.000.000đ và tiền lãi 1%/tháng và tính đến nay là 19 tháng.

Bị đơn là chị S không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N. Theo chị S thì: Lãi của những người mua còn lại, ông N không đi tiếp nên ông không được nhận, chị chấp nhận trả nợ như Tòa án sơ thẩm đã xét xử.

Đại diện VKSND tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý, xét xử Thẩm phán thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS, người kháng cáo nộp đơn kháng cáo trong hạn và thuộc trường hợp được miễn án phí nên chấp nhận. Về nội dung: Về tiền gốc các bên đều thống nhất. Về tiền lãi cấp sơ thẩm tính lãi suất 0,83%/ tháng là chưa phù hợp, chưa đúng thời điểm Ngân hàng quy định mà là 9%/năm nên đề nghị sửa án sơ thẩm và tính lại lãi suất đúng quy định. Đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo ông Nhung nộp trong hạn luật định vì vậy chấp nhận việc kháng cáo của ông đúng quy định và cấp phúc thẩm thụ lý, xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông N:

Về nội dung: Ông N kháng cáo đề nghị, ông không phải trả cho chị S 4.000.000đ ở đây phường thứ hai, xét thấy sau khi bốc phường chị S còn nợ ông N 40.000.000đ nhưng phường còn phải đi 2 suất nữa mới kết thúc đây phường nên cấp sơ thẩm giải quyết yêu cầu phản tố của chị S thì ông N phải trả cho chị S 1.000.000đ ở đây phường thứ nhất và 4.000.000đ ở đây phường thứ hai. Tổng cộng 5.000.000đ là đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông N yêu cầu chị S phải trả tiền lãi của những người chưa mua đáng lẽ ông được hưởng nhưng ông không đi theo tiếp các suất sau này nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông mặt khác yêu cầu bổ sung này vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của ông nên cấp phúc thẩm không xem xét. Về lãi suất: Cấp sơ thẩm đã áp dụng mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước áp dụng cho từng thời điểm với mức 0,83%/tháng là phù hợp, Đại diện VKS đề nghị mức 9%/năm= 0,75%/ tháng cũng không có chênh lệch nhiều. Đây không phải là hợp đồng vay nợ có thời hạn, có lãi nên không có cơ sở chấp nhận mức lãi suất 1%/tháng như ông N yêu cầu.

Trên cơ sở lập luận trên, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo ông N và đề nghị sửa án sơ thẩm về mức lãi suất của Đại diện VKS tại phiên tòa.

[3] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận cho nên ông Nhung phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật nhưng ông thuộc diện thuộc người cao tuổi nên miễn toàn bộ án phí cho ông.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của BLTTDS. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đàm Huy N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các Điều 274, 280, khoản 2 điều 357, khoản 2 điều 468, điều 471 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 2 điều 200, điều 202 BLTTDS; Điều 29, 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ, Điều 26 NQ 326/2016 của UBTVQH 14.

Xử: - Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đàm Huy N.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị S.

Xác định chị Nguyễn Thị S nợ ông Đàm Huy N số tiền phường gốc là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Xác định ông Đàm Huy N nợ chị Nguyễn Thị S số tiền phường gốc là 4.400.000đ (Bốn triệu bốn trăm ngàn đồng).

Đối trừ nghĩa vụ buộc chị Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả cho ông Đàm Huy N số tiền phường gốc là 35.600.000đ và tiền lãi suất là: 3.545.760đ. Tổng gốc và lãi chị Sang có nghĩa vụ trả cho ông Nhung là 39.145.000đ (Ba mươi chín triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn bảy trăm sáu mươi đồng).

Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí phúc thẩm cho ông N.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

VKSND tỉnh Nghệ An
TAND H. Anh Sơn.

Lưu HSVA
Chi cục THADS h. Anh Sơn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hà